

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Quang X, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm 3, B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: 57/08/KT3 tổ 24, khu phố L, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người được anh X ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu 3, phường Ph, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/5/2021).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A1, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã Th, thị xã M, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Trương Quang X trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị A1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện M (nay là xã Th, thị xã M), tỉnh Hải Dương vào ngày 01/9/2015. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên không thể hòa hợp, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhiều lần anh đã tìm cách giải quyết để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2015 anh đã về quê sinh sống còn chị A1 vẫn sống tại Th, M. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Năm 2020 anh được biết chị A1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh chủ động liên lạc để tìm cách cứu vãn cuộc hôn nhân nhưng chị A1 không đồng ý và cũng không cung cấp địa chỉ cho anh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị A1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Quang B1, sinh ngày 13/8/2015, hiện đang ở với chị A1 tại Nhật Bản. Anh đồng ý để chị A1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh X không cung cấp được địa chỉ của chị A1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị A1. Bà Lương Thị T1 - mẹ đẻ của chị A1 trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị A1 ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị A1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị A1 biết. Sau khi được gia đình thông báo, thông qua gia đình chị A1 có quan điểm nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị và anh X có một con chung là Trương Quang B1 như anh X trình bày là đúng, hiện con đang ở với chị tại Nhật Bản. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh X ủy quyền cho anh Nguyễn Văn S1 thay anh giao nhận các tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, anh Sinh đã thông báo cho anh X biết, anh X vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn chị A1, khi ly hôn anh nhất trí giao con chung Trương Quang B1 cho chị A1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh X đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh X và chị A1 đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Trương Quang X được ly hôn chị Nguyễn Thị A1. Về con chung: Giao con chung Trương Quang B1 cho chị A1 nuôi dưỡng, anh X cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Quang X sinh sống ở Việt Nam, bị đơn chị Nguyễn Thị A1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại Thôn Đ, xã Th, thị xã M, tỉnh Hải Dương, hiện chị A1 đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh X không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị A1 ở Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị A1 cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho gia đình chị A1, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh X có quan điểm xin xét xử vắng mặt, thông qua gia đình chị A1 cũng có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quang X và chị Nguyễn Thị A1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th1, huyện M (nay là xã Th, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 01/9/2015, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Năm 2020 chị A1 đi lao động tại Nhật Bản nhưng cũng không cho anh X biết. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh X có đơn xin ly hôn, chị A1 cũng nhất trí. Do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh X và chị A1 đã trầm trọng và kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Xuân.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Quang B1, sinh ngày 13/8/2015, hiện con đang ở chị A1 tại Nhật Bản. Thông qua gia đình, chị A1 có quan điểm được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy, cháu Trương Quang B1 vẫn còn nhỏ, hiện đang ở với chị A1. Anh X nhất trí giao con cho chị A1 nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Trương Quang B1 cho chị A1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh X về việc cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Trương Quang X phải chịu án phí dân Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Quang X ly hôn chị Nguyễn Thị A1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị A1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trương Quang B1, sinh ngày 13/8/2015 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh X cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Anh Trương Quang X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

*Kể từ khi chị A1 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh X không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468*

*Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trương Quang X phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/00064400 ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh X đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Trương Quang X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Quang X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị A1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th, thị xã M;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
**(Đã ký)**